TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HS-ST
Ngày: 10/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Duy Phước và ông Phan Đình Nguyên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-HS ngày 26/12/2022 đối với bị cáo:

Lê Minh N, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1978 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 7, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê C và bà Ngô Thị D; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 10/9/2012, bị Công an phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác với số tiền 1.500.000đ, bị cáo chưa chấp hành; Ngày 24/4/2014 bị Công an phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác với số tiền 2.000.000đ bị cáo chưa chấp hành; về nhân thân: Tại Bản án phúc thẩm số 103/HS-PT ngày 30/12/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Ngày 16/10/2003, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; bị bắt tạm giam từ ngày 19/9/2022 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại*: Phan Thị Hồng H, sinh năm 1992; địa chỉ: 10 Nguyễn Lữ, Tổ 7, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Phan Trung K, sinh năm 1994; địa chỉ: Làng X, xã Y, huyện Z, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

2. Lê Thị Tuyết G, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn A1, xã S, huyện Z, tỉnh Gia Lai; vắng mặt

- *Người làm chứng:* Phạm Đình M, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn A2, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 22 giờ ngày 15/7/2022 bị cáo Lê Minh N đi uống rượu về, N nhớ lại trước đó có mâu thuẫn với chị Phan Thị Hồng H nên đi bộ đến nhà chị H tại số 10 Nguyễn Lữ, Tổ 7, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai nhưng không có người ở nhà. N thấy cửa bên hông nhà có khóa ngoài, N dùng tay phải giật ổ khóa bằng kim loại hiệu HD, kích thước (7x4,5)cm làm ổ khóa bung, rơi ra ngoài nhưng không mở được cửa vì còn chốt khóa bên trong. N tiếp tục đi tới cửa trước phòng khách, quan sát thấy vị trí chân cánh cửa và nền nhà có khe hở, N dùng 02 ngón tay trỏ và giữa của bàn tay trái luồn qua khe hở đẩy chốt cửa lên rồi giật làm cánh cửa mở ra. N vào trong nhà quan sát thấy xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, loại xe hai bánh, màu sơn nâu, số loại 100; số khung 81B112082, số máy: 81B110282, biển số 81B1-120.82 của chị H dựng ở phòng khách, chìa khóa cắm sẵn trên xe nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nói trên để làm phương tiện đi lại. Sau đó, N dắt xe mô tô ra khỏi nhà và điều khiển xe đi đến nhà anh Trần Thanh L ở Tổ 4, phường B, thị xã A nhưng không gặp anh Hậu. N tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 81B1-120.82 đến trước số nhà 233 Trần Hưng Đạo, thuộc Tổ 4, phường B, thị xã A rồi đẩy xe mô tô xuống bậc tam cấp hướng xuống bờ kè Sông Ba rồi đi về nhà.

Khi Lê Minh N dắt xe mô tô nhãn hiệu LIFAN ra khỏi nhà, chị Phan Thị Hồng H và anh Phạm Đình M, là bạn của chị H đứng cách nhà chị H khoảng 20m nhìn thấy nhưng không dám can ngăn, vì sợ Lê Minh N đánh nên sau đó chị Phan Thị Hồng H làm đơn tố cáo Lê Minh N đến Công an thị xã A.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an thị xã A đã thu giữ các vật chứng gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, loại xe hai bánh, màu sơn nâu, số loại 100; số khung 81B112082, số máy: 81B110282, biển số 81B1-120.82; 01 (một) dè chắn bùn phía trước xe mô tô màu nho có chiều dài lớn nhất là 30cm, chiều rộng lớn nhất là 10cm, cao 10cm; 01 (một) ổ khóa bằng kim loại hiệu HD, kích thước (7x4,5)cm, loại phi 6 trong tình trạng khóa có gắn 01 khuy khóa bằng kim loại.

Ngày 23/9/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại toàn bộ vật chứng nói trên cho chị Phan Thị Hồng H.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 08/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A, kết luận: 01 (một) xe mô tô biển

số 81B1-120.82, nhãn hiệu LIFAN, loại xe: Hai bánh, màu sơn: Nâu, số loại: 100, số khung 81B112082, số máy: 81B112082 (đã qua sử dụng) tại thời điểm ngày 15/7/2022 trị giá 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 52/CT-VKS ngày 29/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Lê Minh N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Minh N phạm tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Đồng thời đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại Phan Thị Hồng H trình bày: Chị và bị cáo Lê Minh N là hàng xóm nên quen biết nhau. Vào khoảng 22 giờ ngày 15/7/2022 chị đi chơi về thì phát hiện Lê Minh N vào nhà trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 81B1-120.82 của chị nhưng vì sợ Lê Minh N đánh nên chị không dám can ngăn. Do trước đó giữa chị và Lê Minh N đã có mâu thuẫn với nhau, mặt khác Lê Minh N thường say rượu và quậy phá. Sau đó, chị đã làm đơn tố cáo Lê Minh N tại Công an thị xã A. Quá trình điều tra chị đã nhận lại tài sản bị mất, không có hư hỏng, thiệt hại gì, vì vậy chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Minh N thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 15/7/2022, tại Tổ 7, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo Lê Minh N lén lút chiếm đoạt chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô biển số 81B1-120.82, nhãn hiệu LIFAN, loại xe: Hai bánh, màu sơn: Nâu, số loại: 100, số khung 81B112082, số máy: 81B112082, trị giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) của chị Phan

Thị Hồng H. Do đó, đã đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Lê Minh N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt: Bị cáo Lê Minh N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội cố ý gây thương tích và nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc và phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã bị phát hiện kịp thời, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi để trả lại cho bị hại nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lê Minh N phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt bị cáo Lê Minh N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 19 tháng 9 năm 2022).

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Minh N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (10/01/2023), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tứ Hải